TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 251/2020/DS-PT
Ngày: 18 – 11 - 2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Đặng Minh Trung

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thi Màu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 252/2020/TLPT- DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2020/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 231/2020/QĐPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1963 (có mặt);

Cư trú tại: Ấp 19/5, xã K, huyện T, tỉnh C;

- *Bị đơn:* Bà Lý Bích Th, sinh năm 1968 (có mặt):

Cư trú tại: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Trịnh Thanh Liệt là luật sư của Văn phòng Luật sư Trịnh Thanh Liệt, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Dương Thanh T2 (Dương Thành T2), sinh năm 1968 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Bà Lý Bích Th – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:*

Bà làm chủ hụi nhiều năm ở địa phương. Từ năm 2016 đến năm 2018 bà có mở 07 dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, bà Lý Bích Th tham gia mỗi dây hụi 01 chưng cụ thể: Hụi 35 chưng vào các ngày 11-4-2016, ngày 03-6-2016; Hụi 30 chưng ngày 26-01-2017; hụi 38 chưng mở các ngày 16-5-2017, ngày 12-8-2017, ngày 24-10-2017 và ngày 15-01-2018.

Bà Th lần lượt hốt hết 05 dây (05 chưng) cụ thể: Dây ngày 11-4-2016, 03-6-2016, 26-01-2017, 16-5-2017 và 24-10-2017. Nhưng khi đóng hụi chết lại thì thường xuyên gián đoạn nên bà phải đóng thay cho các hụi viên khác đã hốt hụi.

Hai dây hụi còn lại bà Th đề nghị hốt để bù vào 05 chưng hụi đã hốt trước đó cụ thể:

Dây hụi ngày 12-8-2017 đã hốt vào ngày 22-7-2018 âl với số tiền 57.920.000 đồng, số tiền này bà lấp vào 03 dây hụi đã hốt còn nợ lại 27 kỳ = 54.000.000 đồng (Dây hụi ngày 11-4-2016 đến ngày 11-02-2019 mãn còn lại 7 kỳ, hụi ngày 03-6-2016 đến ngày 03-4-2019 mãn còn lại 9 kỳ, dây hụi ngày 26-01-2017 tính đến ngày 26-5-2019 mãn còn lại 11 kỳ), số tiền còn lại 3.920.000 đồng.

Dây hụi ngày 15-01-2018 đã hốt vào ngày 15-10-2018 âl số tiền 57.600.000 đồng, số tiền này bà lấp vào 02 dây hụi đã hốt nên phải đóng lại hụi chết 54.000.000 đồng (Dây hụi ngày 16-5-2017 đến ngày 16-6-2020 mãn còn lại 18 lần và dây hụi ngày 12-8-2017 đến ngày 12-9-2020 al còn lại 26 lần).

Nay bà yêu cầu bà Th trả cho bà tổng số tiền 114.480.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi của 07 dây hụi mà bị đơn đã hốt. Tính đến thời điểm xét xử, số tiền 94.480.000 đồng. Đối với 03 chưng hụi chưa mãn, cụ thể: Dây hụi ngày 12-8-2017, còn 03 kỳ hụi chết; dây hụi ngày 24-10-2017, còn 06 kỳ; dây hụi ngày 15-01-2018, còn 08 kỳ thì để bà Th tiếp tục góp hụi nếu sau này có tranh chấp thì kiện sau.

Bà Lý Bích Th trình bày: Bà thống nhất về thời gian chơi hụi với bà H trong 07 dây hụi mà bà H đã trình bày.

Trong 07 dây hụi này bà đã lần lượt hốt 05 dây (05 chưng), đã nhận tiền đầy đủ và bà đã đống hụi chết đầy đủ. Trong đó có 03 dây đã mãn cụ thể: Dây ngày 11-4-2016, 03-6-2016 và 26-01-2016. Hai dây còn lại là dây ngày 16-5-2017 và ngày 24-10-2017 bà đã đóng đến tháng 7-2019 thì ngưng không đóng do bà còn lại 02 chưng hụi sống là chưng ngày 12-8-2017 và chưng ngày 15-01-2018, bà đã hốt nhưng phía bà H không chung tiền cho bà.

Hai dây hụi ngày 16-5-2017 và ngày 24-10-2017, bà đóng đến tháng 7-2019 bà chưa đối chiếu lại được còn nợ bà H bao nhiêu, do hụi này chưa mãn để đối trừ.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà thừa nhận còn nợ lại dây hụi ngày 16-5-2017, còn lại 08 kỳ, số tiền 16.000.000 đồng; dây hụi ngày 24-10-2017, còn lại 12 kỳ, số tiền 24.000.000 đồng nếu tính đến mãn hụi. Đối với 02 chưng hụi ngày 12-8-2017 và chưng ngày 15-01-2018 bà đã hốt nhưng phía nguyên đơn không chung cho bà nên bà đã ngưng đóng hụi từ tháng 7-2018 al cho đến nay. Bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Ông Dương Thanh T2 (Thành T2) trình bày: Ông thống nhất như trình bày của bà Th. Ông biết bà Th tham gia chơi hụi của bà H nhưng khui hụi, hốt hụi, đóng hụi cụ thể ông không biết.

Tại phiên toà sơ thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi 114.480.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Bà yêu cầu bà Th trả cho bà số tiền nợ hụi của 07 dây hụi mà bà làm chủ, số tiền 94.480.000 đồng. Đối với 03 dây hụi ngày 12/8/2017al, còn lại 03 kỳ nữa mãn, hụi ngày 24/10/2017al, còn 06 kỳ nữa mãn và dây hụi ngày 15/01/2018 còn 08 kỳ nữa mãn. Bà chỉ yêu cầu tính đến ngày xét xử sơ thẩm nên 03 chưng hụi còn lại chưa mãn bà xin rút lại. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện đền nghị HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên các tài liệu, chứng cứ bà cung cấp cho Tòa án chưa xác định được dây hụi ngày 03/6/2017, hụi đã mãn vào ngày 03/4/2019 nên không có cơ sở chấp nhận, chỉ chấp nhận 06 dây hụi bà đã cung cấp, số tiền 94.480.000 đồng – 18.000.000 đồng =76.480.000 đồng. Thời điểm giao dịch hụi, ông Dương Thanh T2 là chồng của bà Th nên biết việc bà Th chơi hụi với bà H nên buộc ông T2 có trách nhiệm cùng với bà Th trả số tiền trên.

Bà Th trình bày bà thừa nhận đã hốt 05 chưng đã nhận tiền đầy đủ và đã đóng đầy đủ, 02 chưng còn lại bà đã hốt nhưng bà H không chung tiền nên bà ngưng đóng hụi cho đến nay. Bà và bà H chưa đối trừ được số tiền nợ hụi chết và cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự 2015, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, buộc bà Lý Bích Th và ông Dương Thanh T2 trả cho bà H số tiền 76.480.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H yêu cầu bà Lý Bích Th và ông Dương Thanh T2 trả số tiền 18.000.000 đồng.

Từ nội dung vụ án nêu trên, Bản án dân sự sơ thẩm số:120/2020/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H. Buộc bà Lý Bích Th và ông Dương Thanh T2 trả số tiền 76.480.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H về việc yêu cầu bà Lý Bích Th và ông Dương Thanh T2 trả số tiền 18.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24-8-2020, bà Lý Bích Th kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa một phần Bản án sơ thẩm, bà Th chỉ chấp nhận thanh toán 40.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lý Bích Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư Trịnh Thanh Liệt: Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lý Bích Th. Nếu chưa đủ căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Th thì đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa cho các bên đối chất về các khoản nợ hụi nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bà Lý Bích Th; Đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của bà Lý Bích Th. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Về nội dung tranh chấp: Theo bà H trình bày, bà Th có tham gia 07 dây hụi loại 2.000.000 đồng khui vào các ngày 11-4-2016, 03-6-2016, 26-01-2017, 16-5-2017, 12-8-2017, 24-10-2017 và 15-01-2018. Tất cả các dây hụi này mỗi tháng khi một lần, bà Th tham gia mỗi dây 01 chưng và đã lần lượt hốt hết và bà đã chung tiền đầy đủ 05 dây (05 chưng). Hai dây hụi còn lại ngày 12-8-2017, bà Th bỏ thâm cao hốt vào ngày 22-7-2018, số tiền 57.920.000 đồng và dây hụi ngày 15-01-2018, bà Th hốt vào ngày 15-10-2018, số tiền 57.600.000 đồng nhưng bà không giao tiền cho bà Th, do bà Th không đóng hụi chết cho bà 05 chưng hụi mà bà Th đã hốt trước đó. Tính đến thời điểm khởi kiện, tổng số tiền bà Th còn nợ lại bà là 114.480.000 đồng. Trong thời gian chơi hụi và hốt hụi thì ông Dương Thanh T2 với bà Th là vợ chồng nên buộc bà Th với ông T2 có nghĩa vụ trả. Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền: 94.480.000 đồng. Tuy nhiên, án sơ thẩm chỉ buộc bị đơn trả số tiền 76.480.000 đồng (không chấp nhận đối với chân hụi ngày 03-6-2017, chết 9 kỳ).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, trong giai đoạn xét xử bà H có cung cấp cho Tòa án danh sách hụi

viên của 07 dây hụi nêu trên; sổ theo dõi đóng hụi của 07 dây hụi của hụi viên, biên nhận hốt hụi; Biên bản về việc giải quyết đơn yêu cầu của bà H ngày 02-8-2019 và ngày 05-8-2019 của Trường tiểu học 3 Khánh Bình. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh ghi lời khai của những người làm chứng là hụi viên có tham gia chơi hụi cùng với bà Th và chồng là ông T2 do bà H làm chủ. Tại các biên bản ghi lời khai ngày 10-7-2020, các lời khai của bà Lý Hồng Nhung, ông Nguyễn Thành Ban, bà Nguyễn Bé Lăm và chị Lê Hòa Bình. Các lời khai của những người làm chứng có biết bà Th và ông T2 tham gia chơi hụi của bà H và hay hốt hụi đầu và chủ hụi đều chung tiền đầy đủ. Đối với bà Th chỉ thừa nhận còn nợ lại số tiền 40.000.000 đồng của 02 dây hụi ngày 16-5-2017 là 08 kỳ hụi chết và dây hụi ngày 24-10-2017 là 12 kỳ hụi chết. Số tiền còn lại bà không đồng ý do 03 dây hụi đầu ngày 11-4-2016, ngày 03-6-2017 và ngày 26-01-2017 bà đã đóng đến mãn. Đối với 02 dây hụi ngày 12-8-2017 và ngày 15-01-2018 thì bà đã bỏ thâm và đã hốt nhưng phía nguyên đơn không giao tiền nên bà không đóng hụi tiếp. Thời gian ngưng không đóng hụi từ tháng 7-2018al cho đến nay và các bên chưa chốt hụi với nhau.

[4] Xét thấy, các bên giao dịch hụi là thực tế có xảy ra, bị đơn thừa nhận đã hốt hết 07 dây hụi (gồm 07 chưng) và phía nguyên đơn đã chung đủ 5 chưng; còn 02 chưng (Mở ngày 12-8-2017 và dây hụi ngày 15-01-2018), bị đơn hốt nhưng nguyên đơn để lại tiền cấn trừ vào một phần nợ hụi chết mà bị đơn thiếu. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cũng thừa nhận việc hốt 02 chưng hụi này nhưng đồng ý để lại đối trừ nợ hụi. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm bị đơn cho rằng do nguyên đơn không giao tiền 02 chân hụi mà bị đơn hốt, nên bị đơn không đóng hụi tiếp tục, mới phát sinh tranh chấp. Suốt quá trình tranh chấp, bị đơn thừa nhận đã hốt hụi và đã đóng hụi chết đầy đủ cho nguyên đơn, nhưng bị đơn xác định không có chứng cứ gì, chỉ riêng bị đơn lập sổ theo dõi riêng, bị đơn chỉ thừa nhận còn nợ nguyên đơn 40.000.000 đồng. Đối với nguyên đơn, tại phiên tòa phúc thẩm cũng cho rằng, quá trình các hụi viên đóng hụi chết, thì nguyên đơn chỉ có tự ghi sổ theo dõi của mình. Các bên không có lập giấy theo dõi chung của các bên. Tóm lại, hiện các bên chỉ còn tranh chấp với nhau về số nợ hụi chết, mà bị đơn đã hốt hụi sống chưa đóng hụi chết. Về nghĩa vụ chứng minh trong vụ án: Bị đơn hốt hụi, nguyên đơn giao đủ tiền, bị đơn có ký nhận. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng đã đóng hụi chết xong nhưng bị đơn không chứng minh được việc này, nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bị đơn là chỉ còn nợ nguyên đơn 40.000.000 đồng. Do bị đơn không chứng minh được việc nợ hụi chết đã thanh toán xong, nên án sơ thẩm tuyên xử buộc bị đơn trả số tiền 76.480.000 đồng trên cơ sở chứng từ có tại hồ sơ là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị tạm ngừng phiên tòa để cho các bên đối chất làm rõ vấn đề đóng hụi chết của các bên, hoặc đề nghị xét xử theo chứng cứ có tại hồ sơ. Song, như đã phân tích, tại phiên tòa phúc thẩm, các bên trình bày về nợ hụi chết các bên tự theo dõi, các bên đều khẳng định mình trình bày đúng, thì việc tạm ngừng phiên tòa để

đối chất làm rõ ý kiến các bên cũng không thể mang lại kết quả nào khác hơn ý kiến của các bên đã trình bày tại phiên tòa.

[6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn để lại 03 dây hụi (03 chưng) ngày 12-8-2017, còn nợ lại 03 kỳ hụi chết, hụi mãn vào ngày 12-9-2020al; chưng ngày 24-10-2017, còn nợ lại 06 kỳ, hụi mãn ngày 24-11-2020al và hụi ngày 15-01-2018, còn lại 08 kỳ, hụi mãn vào ngày 15-02-2021al, thì bà H với bị đơn tự thỏa thuận đóng hụi tiếp do hụi chưa mãn. Nếu không thỏa thuận được thì các bên có quyền khởi kiện yêu cầu bằng vụ kiện dân sự khác (như nhận định của án sơ thẩm) là phù hợp.

[7] Từ phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bà Th, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[8] Do không chấp nhận kháng cáo, nên bà Th phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu đối trừ.

Những phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà Lý Bích Th.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số:120/2020/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Buộc bà Lý Bích Th và ông Dương Thanh T2 (Dương Thành T2) trả bà Lê Thị H số tiền 76.480.000 đ (Bảy mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Lê Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lý Bích Th và ông Dương Thanh T2 (Dương Thành T2) không thi hành xong khoản tiền nêu trên, bà Th và ông T2 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H về việc yêu cầu bà Lý Bích Th và ông Dương Thanh T2 (Dương Thành T2) trả số tiền 18.000.000 đồng.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Lý Bích Th và ông Dương Thanh T2 (Dương Thành T2) phải chịu số tiền 3.824.000 đồng (Ba triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng); bà Lê Thị H phải chịu số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) ngày 17 tháng 10 năm 2019 bà H đã dự nộp số tiền 2.862.000 đồng theo biên lai thu số 0002778 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được đối trừ bà H được nhận lại 1.962.000 đồng (Một triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Bà Lý Bích Th phải chịu số tiền 300.000 đồng, ngày 24 tháng 8 năm 2020 bà Th đã nộp theo biên lai số: 0004192 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Út